

Số: 263 /2020/QĐ-VLXD

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng
Có giá trị < 500 triệu/01 đơn vị của Viện Vật liệu Xây dựng**

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 96/QĐ-BXD ngày 25/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Vật liệu xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Quyết định số 806/QĐ-BXD ngày 15/6/2018 của Bộ Xây dựng về phân cấp thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ, quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 193/QĐ-VLXD ngày 22/10/2018 của Viện trưởng Viện Vật liệu xây dựng về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng thiết bị của Viện Vật liệu xây dựng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch kỹ thuật và Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) thuộc phạm vi quản lý của Viện Vật liệu xây dựng.

Điều 2. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý của Viện Vật liệu Xây dựng (theo phụ lục đính kèm).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 08 năm 2020.

Điều 4. Trưởng các đơn vị: Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Tài chính - Kế toán, Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật và Hợp tác quốc tế và Trưởng các đơn vị chuyên môn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4 (để thi hành);
- Lưu: VT.





PHỤ LỤC

Tiêu chuẩn, định mức máy móc thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 20 /2020/QĐ-VLXD ngày 30 /7 /2020
của Viện trưởng Viện Vật liệu Xây dựng)

STT	Tên, đặc điểm	ĐVT	Số lượng	Nguyên giá (VNĐ)
A	TRUNG TÂM VẬT LIỆU HỮU CƠ & HÓA PHẨM XÂY DỰNG (bao gồm 26 danh mục)			
1	Máy nghiền trộn thùng quay	cái	1	13,400,000
2	Hệ thống thiết bị sản xuất nhũ tương nhựa đường	cái	1	77,323,000
3	Máy ép thủy lực	cái	1	15,000,000
4	Máy xác định hàm lượng nước trong sơn	cái	1	209,091,000
5	Máy trộn cưỡng bức	cái	1	16,000,000
6	Tủ dưỡng hộ nhiệt ẩm	cái	1	245,455,000
7	Máy đo thời gian khô	cái	1	35,479,030
8	Máy đo độ cứng Rocker	cái	1	25,105,599
9	Máy đo độ bám dính	cái	1	46,377,890
10	Máy đo độ bền va đập của lớp phủ	cái	1	28,135,133
11	Máy đo độ rửa trôi	cái	1	86,420,382
12	Thiết bị thử độ mài mòn	cái	1	196,429,579
13	Thiết bị phản ứng tổng hợp	cái	1	55,976,793
14	Máy trộn hành tinh kiểu Hobart	cái	1	17,789,940
15	Hệ thống thiết bị sản xuất phụ gia dạng lỏng	bộ	1	70,780,000
16	Tủ hút khí độc	cái	1	32,000,000
17	Hệ gia công mẫu ép nhiệt	cái	1	382,206,357
18	Máy khuấy cầm tay	cái	1	13,000,000
19	Thùng chứa gia nhiệt	cái	1	19,000,000
20	Máy nghiền bột giấy	cái	1	19,000,000
21	Máy trộn tốc độ cao	cái	1	22,000,000
22	Cân phân tích	cái	1	31,666,900
23	Máy phun nước	cái	1	18,000,000
24	Cân điện tử	cái	1	11,960,000
25	Máy trộn vữa	cái	1	20,000,000
26	Tủ lạnh âm độ DW-30L508	cái	1	54,000,000
B	TRUNG TÂM XI MĂNG & BÊ TÔNG (bao gồm 56 danh mục)			
1	Thiết bị thử chống thấm bê tông	cái	1	281,981,000
2	Thiết bị xác định khả năng chảy của bê tông tự đầm	cái	1	17,143,000
3	Máy thử kéo uốn vật liệu	cái	1	309,714,000
4	Máy siêu âm bê tông	cái	1	125,909,000
5	Máy kéo nén vạn năng	cái	1	184,760,000
6	Máy chiếu Projector	cái	1	17,836,000

STT	Tên, đặc điểm	ĐVT	Số lượng	Nguyên giá (VNĐ)
7	Thiết bị đo lực xiết dọc trục bu lông	cái	1	35,585,000
8	Máy dẫn vữa xi măng tiêu chuẩn	cái	1	14,000,000
9	Máy kéo thép	cái	1	397,915,270
10	Máy nén bê tông	cái	1	60,729,349
11	Máy thử uốn 100KN	cái	1	63,111,930
12	Bàn dẫn tạo mẫu thử xi măng	cái	1	19,652,640
13	Máy thử mài mòn	cái	1	26,473,125
14	Máy rung tạo mẫu bê tông	cái	1	29,782,266
15	Khuôn đúc mẫu bê tông	cái	1	53,652,553
16	Máy cắt mẫu bê tông	cái	2	14,934,020
17	Tủ hút hơi độc	cái	1	16,291,561
18	Máy nén hiện số 3000KN	cái	1	217,170,390
19	Máy nén hiện số 2000KN	cái	1	170,547,435
20	Máy nén uốn mẫu nhỏ 250KN	cái	1	151,629,823
21	Khoan lấy mẫu lõi bê tông	cái	1	107,062,360
22	Cân điện tử	cái	1	15,533,454
23	Thiết bị đo mật độ và độ ẩm	cái	1	166,503,350
24	Thiết bị xác định tăng nhiệt độ đẳng nhiệt	cái	1	423,267,450
25	Thiết bị đo biến dạng bằng cầu điện trở	cái	1	183,345,300
26	Máy lắc sàng và bộ sàng mẫu thí nghiệm	cái	56	65,077,600
27	Máy đo độ trắng	cái	1	123,355,000
28	Hệ thống máy trộn hóa chất	cái	1	317,133,886
29	Máy nghiền	cái	1	22,500,000
30	Bộ bơm bê tông bột	cái	1	278,900,000
31	Thiết bị thí nghiệm nhiệt thủy hóa xi măng C 390	cái	1	82,500,000
32	Thiết bị giám sát độ nồng độ CO2	cái	1	35,000,000
33	Thiết bị đo PH bê tông	cái	1	14,500,000
34	Thiết bị đo hàm lượng bọt khí trong bê tông	chiếc	1	19,250,000
35	Máy thử thấm bê tông HS-40	chiếc	2	53,000,000
36	Máy siết bu lông 6924N	chiếc	1	45,018,182
37	Máy cắt, siết bu lông 6922NB	chiếc	1	32,590,909
38	Bộ kiểm tra dung dịch khoan	bộ	1	47,260,000
39	Lực kế cắt tĩnh	bộ	1	20,870,000
40	Dụng cụ lọc áp lực- Xác định lượng mất nước và độ dày áo sét	bộ	1	59,440,000
41	Máy trộn dung dịch khoan	bộ	1	47,880,000
42	Máy kéo vãn năng 1000KN	chiếc	1	243,000,000
43	Máy cắt sắt đường kính 300mm	chiếc	1	10,200,000
44	Máy nén bê tông 2000KN	chiếc	1	65,000,000
45	Máy nén xi măng 300KN	chiếc	1	62,000,000

STT	Tên, đặc điểm	ĐVT	Số lượng	Nguyên giá (VNĐ)
46	Máy trộn vữa xi măng tiêu chuẩn	chiếc	1	13,500,000
47	Tủ dưỡng hồ mẫu xi măng	chiếc	1	22,400,000
48	Máy kiểm tra độ nguyên dạng cọc PIT-QFV	chiếc	1	469,108,013
49	Máy kiểm tra ăn mòn cốt thép trong bê tông	chiếc	1	380,597,067
50	Thiết bị thử thấm ion clo Perma2	chiếc	1	365,107,651
51	Thiết bị đo biến dạng giãn nở vữa, bê tông	chiếc	1	25,000,000
52	Thiết bị biến áp cho thí nghiệm ăn mòn cốt thép	chiếc	2	18,000,000
53	Bể hai ngăn dùng để bảo dưỡng bê tông theo chu kỳ khô- ướt. Kích thước: 3,5x1,8x1,2m	chiếc	1	18,000,000
54	Bể ngâm mẫu bê tông điều chỉnh nhiệt độ 800L	chiếc	1	34,000,000
55	Bể ngâm mẫu vữa điều chỉnh nhiệt độ 400L	chiếc	1	18,900,000
56	Máy đo điện hóa	chiếc	1	188,000,000
C	TRUNG TÂM VẬT LIỆU CHỊU LỬA VÀ CHỐNG CHÁY (bao gồm 26 danh mục)			
1	Cân kỹ thuật điện tử	cái	1	11,710,500
2	Máy kiểm tra độ ẩm độ dẫn nhiệt	cái	1	37,809,500
3	Lò gia nhiệt gián tiếp 4m ³ - 300oC	cái	1	150,000,000
4	Máy trộn cưỡng bức DT-350	cái	1	34,900,000
5	Máy nghiền bi thí nghiệm	cái	1	120,000,000
6	Máy trộn bê tông cưỡng bức	cái	1	26,818,000
7	Máy sàng phân loại cỡ hạt NS 20T/h	cái	1	28,571,000
8	Máy sàng rung	cái	1	50,494,587
9	Máy trộn kiểu hành tinh	cái	1	151,275,000
10	Xe cân định lượng	cái	1	35,297,500
11	Hệ thống buke, gầu tải, băng tải	cái	1	201,700,000
12	Hệ thống hút bụi, thông gió	cái	1	50,425,000
13	Máy trộn vữa xi măng tiêu chuẩn	chiếc	1	15,000,000
14	Tủ sấy Fengling 136 lít	cái	1	15,000,000
15	Lò nung mẫu thí nghiệm LE4/11	cái	1	12,809,000
16	Máy kiểm định tính chịu mài mòn của vật liệu chịu lửa	cái	1	50,600,000
17	Thiết bị thử độ chịu lửa	cái	1	161,209,363
18	Thiết bị thử độ bền xi	cái	1	318,371,960
19	Thiết bị thử độ dẫn nhiệt ở nhiệt độ cao	cái	1	294,859,792
20	Thiết bị thử độ xốp và khối lượng thể tích	cái	1	80,953,188
21	Thiết bị thử khối lượng riêng	cái	1	124,367,198
22	Máy khoan lấy mẫu	cái	1	68,705,658

STT	Tên, đặc điểm	ĐVT	Số lượng	Nguyên giá (VNĐ)
23	Máy cắt mẫu Cutter model QGJ-01	cái	1	56,458,127
24	Máy mài mẫu Model RQJ-01	cái	1	83,044,230
25	Lò nung 1800oC	cái	1	449,523,000
26	Lò nung tự động 1700oC	cái	1	353,147,000
D	PHÂN VIỆN MIỀN NAM (bao gồm 69 danh mục)			
1	Thiết bị thử nén vật liệu	cái	1	383,031,819
2	Cân phân tích điện tử	cái	1	57,733,951
3	Cân kỹ thuật điện tử	cái	2	66,555,966
4	Máy quang phổ tử ngoại khả kiến	cái	1	228,702,381
5	Tủ khí hậu	cái	1	311,562,325
6	Tủ hút khí độc	cái	2	131,771,880
7	Lò nung	cái	2	252,376,651
8	Thiết bị khuấy thí nghiệm	cái	1	77,053,048
9	Bàn thí nghiệm trung tâm	cái	3	445,500,000
10	Thiết bị kiểm tra độ mài mòn chà rửa màng sơn	cái	1	206,300,000
11	Thiết bị kiểm tra độ cứng màng sơn	cái	1	120,400,000
12	Thiết bị kiểm tra độ bền va đập màng sơn	cái	1	67,000,000
13	Dụng cụ kiểm tra độ bám dính màng sơn	cái	2	50,000,000
14	Dụng cụ đo độ mịn sơn	cái	1	27,200,000
15	Máy đo độ nhớt dung dịch	cái	1	68,300,000
16	Máy kéo nén	cái	1	340,200,000
17	Thiết bị thử cường độ uốn kéo	cái	1	115,731,000
18	Máy kéo nén vạn năng	cái	2	360,214,000
19	Đèn chiếu đa năng	cái	1	32,045,000
20	Máy khoan	cái	1	32,857,000
21	Máy khuấy tốc độ cao	cái	1	18,000,000
22	Thiết bị đo độ mài mòn sâu gạch ceramic	cái	1	315,333,000
23	Máy kiểm tra độ chặt/ độ ẩm vật liệu tại hiện trường bằng phương pháp phóng xạ	cái	1	345,909,000
24	Thiết bị xác định mài mòn	cái	1	24,761,000
25	Xe nâng 1000 kg	cái	1	11,000,000
26	Máy lắc rây D13S - 300	cái	1	11,130,000
27	Máy nén thủy lực 300	cái	1	63,500,000
28	Thiết bị đo góc biến dạng quang học theo TCVN 7219:2002	cái	1	11,128,000
29	Dụng cụ thử va đập bi rơi	cái	1	12,896,000
30	Máy uốn kéo vạn năng	cái	1	212,600,000
31	Máy thử độ bền uốn gạch ceramic - Model SKZ - 10000	cái	1	94,762,000
32	Thiết bị đo kích thước gạch ceramic -	cái	1	502,381,000

STT	Tên, đặc điểm	ĐVT	Số lượng	Nguyên giá (VNĐ)
	Model Dimension DSQ-850 Digital			
33	Thiết bị đo độ mài mòn bề mặt gạch ceramic	cái	1	176,190,000
34	Thiết bị đo giãn nở ẩm gạch ceramic	cái	1	102,857,000
35	Thiết bị đo giãn nở nhiệt gạch ceramic	cái	1	709,524,000
36	Thiết bị đo độ hút nước của gạch men bằng chân không	cái	1	57,143,000
37	Thiết bị xác định độ thấm bê tông	cái	2	41,000,000
38	Tấm chuẩn dùng cho máy đo kích thước gạch ceramic	cái	1	92,727,000
39	Máy nghiền thí nghiệm	cái	1	27,084,125
40	Bàn dẫn tạo mẫu thử xi măng	cái	1	19,652,640
41	Thiết bị siêu âm bê tông cọc nhồi	cái	1	453,522,450
42	Bộ thí nghiệm Bentonite T15.022	cái	1	16,700,000
43	Máy trộn bê tông cưỡng bức (60 lít) (SD 2013) T-Teeh	cái	1	14,300,000
44	Máy bơm vữa	cái	1	37,000,000
45	Máy dẫn vữa xi măng tiêu chuẩn	cái	1	12,000,000
46	Máy kiểm tra độ co ngót	cái	1	15,500,000
47	Máy thử độ mài mòn	cái	1	19,500,000
48	Máy trộn vữa xi măng	cái	4	14,000,000
49	Máy nén 250KN	cái	1	183,700,000
50	Thiết bị thí nghiệm độ nở	cái	1	270,300,000
51	Máy kéo thép 1000KN	chiếc	1	278,000,000
52	Thiết bị đo hàm lượng bọt khí trong bê tông	chiếc	1	19,250,000
53	Máy chuẩn độ	chiếc	1	267,300,000
54	Máy đo độ bám dính sơn Positest ATM	chiếc	1	45,000,000
55	Máy cưa cắt mẫu bê tông;	chiếc	1	13,600,000
56	Máy xác định độ thấm bê tông	chiếc	3	28,500,000
57	Thiết bị xác định độ dài thanh vữa xi măng trong dung dịch Sulfat	bộ	1	16,900,000
58	Máy nén bê tông	chiếc	6	65,000,000
59	Máy nén xi măng 300KN	chiếc	5	59,000,000
60	Máy tiện bàn	cái	1	11,181,818
61	Cân phân tích	chiếc	1	15,500,000
62	Máy đo độ dày lớp phủ Positector 200C1,	chiếc	1	48,500,000
63	Máy thử độ mài mòn Los Angeles	chiếc	1	18,000,000
64	Máy kiểm tra độ mài mòn của đá	chiếc	1	132,000,000
65	Bộ thí nghiệm thử kéo thép, bulong neo	bộ	1	45,000,000
66	Thiết bị đo độ cứng bán tự động theo phương pháp Rockwell	chiếc	1	150,000,000

STT	Tên, đặc điểm	ĐVT	Số lượng	Nguyên giá (VNĐ)
67	Kích thủy lực 50 tấn	cái	1	13,420,000
68	Kích thủy lực 100 tấn	cái	1	26,730,000
69	Kích thủy lực 150 tấn	cái	1	47,300,000
E	TRUNG TÂM THIẾT BỊ, MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG (bao gồm 61 danh mục)			
1	Thiết bị đo gió cầm tay	cái	1	11,619,000
2	Thiết bị đo áp suất dòng khí	cái	1	27,000,000
3	Máy đo tiếng ồn	cái	1	66,144,490
4	Máy đo độ rung	cái	1	34,282,445
5	Thiết bị lấy mẫu khí	cái	1	100,213,939
6	Máy ảnh kỹ thuật số	cái	1	12,227,457
7	Bộ bơm thử áp lực	bộ	1	12,000,000
8	Bộ ghi gr200-4NO (bộ ghi kênh đầu vào)	bộ	1	16,000,000
9	Quạt chịu hóa chất tốc độ 1000 V/P	cái	1	10,000,000
10	Thiết bị đo lưu lượng khí từ 0-1000m3/phút, độ chính xác 01	cái	1	10,000,000
11	Cân phân tích 3 số	cái	1	10,000,000
12	Máy phân tích nước đa năng	chiếc	1	18,304,000
13	Máy đo khí đa chỉ tiêu	bộ	1	75,000,000
14	Bộ 5 Sensor đo khí SCO2, CO, H2, O2, CH4	bộ	1	72,000,000
15	Máy nén khí	bộ	1	10,000,000
16	Máy phân tích khí thải và khí cháy	chiếc	1	136,000,000
17	Đầu dò lấy mẫu khí	chiếc	1	30,000,000
18	Cân phân tích Axis	chiếc	1	23,650,000
19	Máy thiết bị đo nhiệt và quang	bộ	1	56,800,000
20	Phòng thử áp ống	chiếc	1	191,644,265
21	Bể gia nhiệt	chiếc	1	148,754,757
22	Bộ đầu bịt thử áp ống từ D800 đến D20mm	chiếc	1	399,310,000
23	Cân tỷ trọng	chiếc	1	13,350,000
24	Cân phân tích điện tử	chiếc	1	16,640,000
25	Bể tủ đông (0 độ) làm thí nghiệm và đập	chiếc	1	15,000,000
26	Thiết bị đo độ chảy KJ-3093 dải đo 80-400 độ	chiếc	1	46,500,000
27	Thiết bị xác định độ bền va đập và búa va đập	bộ	1	40,000,000
28	Hệ thống đánh giá đường ống dẫn khí áp suất dương và âm	bộ	1	307,650,000
29	Máy CNC Feut Solutions	bộ	1	38,000,000
30	Bơm lấy mẫu bụi, khí, Apex 2IS	chiếc	2	163,594,378
31	Hệ thống thiết bị tạo áp và duy trì áp tự động;	chiếc	1	163,594,379
32	Thiết bị thử va đập bi rơi	chiếc	1	173,421,105

STT	Tên, đặc điểm	ĐVT	Số lượng	Nguyên giá (VNĐ)
33	Máy kiểm tra nổi đất	bộ	1	61,024,000
34	Tủ sấy 150 lít (có quạt cưỡng bức)	chiếc	1	38,440,000
35	Hệ thống thử dây thoát hiểm	bộ	1	28,181,818
36	Máy phân tích khí để xác định hàm lượng độc hại	chiếc	1	202,272,130
37	Lò nung 1200 độ C	chiếc	1	311,385,494
38	Thiết bị đo hoạt độ phóng xạ Gamma	chiếc	1	168,538,683
39	Cân phân tích 4 số	cái	1	122,404,195
40	Nồi hấp tiệt trùng loại đứng	cái	1	26,788,797
41	Máy phân tích hàm lượng dầu trong nước	cái	1	191,642,932
42	Máy cất nước 2 lần	cái	1	356,497,068
43	Thiết bị phân tích BOD	cái	1	59,244,455
44	Tủ âm BOD	cái	1	47,910,733
45	Máy phá mẫu COD	cái	1	66,971,992
46	Máy đo COD	cái	1	25,037,222
47	Thiết bị đo nồng độ mùi	cái	1	32,970,827
48	Máy chưng cất Kjeldhal	cái	1	94,997,195
49	Bộ phá mẫu 6 vị trí	cái	1	170,520,996
50	Bộ trung hoà hơi độc	cái	1	96,439,669
51	Tải trọng thử vật liệu	bộ	1	78,923,919
52	Hệ thống giá đỡ mẫu vật liệu	bộ	1	23,000,000
53	Thiết bị đo khả năng cháy lan	cái	1	10,000,000
54	Thiết bị đo độ góp cháy	bộ	1	52,000,000
55	Máy đo khí thải	bộ	1	58,000,000
56	Máy lấy mẫu bụi khí thải ống	bộ	1	369,300,000
57	Tủ sấy Fengling 70 lít	cái	1	12,100,000
58	Máy ly tâm	cái	1	40,700,000
59	Máy đo vận tốc, áp suất khí thải	cái	1	53,000,000
60	Tủ môi trường nhiệt ẩm 180 lít	cái	1	362,000,000
61	Lò vi sóng phá mẫu MDS-15	cái	1	395,000,000
F	TRUNG TÂM GỐM SỨ - THỦY TINH (bao gồm 34 danh mục)			
1	Cân kỹ thuật điện tử	cái	1	11,710,500
2	Nhiệt kế hồng ngoại 2576	cái	1	53,881,000
3	Máy thử độ mài mòn Gốm sứ	cái	1	60,341,500
4	Thiết bị kiểm tra kích thước và độ cong vênh của gạch	cái	1	190,045,000
5	Máy nghiền siêu mịn	cái	1	147,254,079
6	Thiết bị thử độ bền nhiệt của men	cái	1	169,002,627
7	Máy đo hệ số dẫn nở nhiệt	cái	1	290,906,825
8	Lò nung Gaz	cái	1	95,000,000
9	Máy thử độ bền uốn gạch ceramic	cái	1	94,762,000
10	Thiết bị xác định bề mặt mài mòn gạch gốm ốp lát trong điều kiện ánh	cái	1	58,045,000

STT	Tên, đặc điểm	ĐVT	Số lượng	Nguyên giá (VNĐ)
	sáng chuẩn			
11	Máy đo đa năng kính xây dựng	cái	1	142,727,000
12	Thiết bị đo độ phẳng mặt kính	cái	1	100,455,000
13	Thiết bị dưỡng ẩm, giữ nhiệt độ	cái	1	190,000,000
14	Thiết bị đo góc biến dạng quang học	cái	1	11,128,000
15	Thiết bị thử mài mòn theo	cái	1	20,280,000
16	Thiết bị đo giãn nở ẩm gạch ceramic	cái	1	102,857,000
17	Thiết bị đo độ hút nước của gạch men bằng chân không	cái	1	57,143,000
18	Thiết bị đo độ bóng bề mặt vật liệu	cái	1	23,636,000
19	Máy khử từ	cái	1	252,293,419
20	Thiết bị đo hệ số ma sát	cái	1	170,497,010
21	Thiết bị đo cường độ chịu va đập	cái	1	108,540,820
22	Máy đo màu: bao gồm máy tính, máy in	cái	1	127,204,122
23	Máy đo ánh sáng truyền qua	cái	1	11,597,750
24	Thiết bị đo ứng suất bề mặt	cái	1	176,235,375
25	Thiết bị va đập bi rơi - Việt Nam	cái	1	52,000,000
26	Bộ nâng cấp chuyển đổi từ DIMENSION DSQ digital thành datadimension DSQ	bộ	1	66,618,182
27	Lò nung nhiệt độ cao 1500 (MT)	chiếc	1	91,890,000
28	Thiết bị kiểm tra độ bền bằng giá	chiếc	1	176,669,859
29	Lò nung thanh lăn thí nghiệm	chiếc	1	478,079,804
30	Thiết bị thí nghiệm độ bền chịu bức xạ kính hộp	chiếc	1	227,855,337
31	Buồng thử nhiệt độ và độ ẩm	chiếc	1	561,632,125
32	Máy đùn dẻo thí nghiệm	chiếc	1	367,239,960
33	Máy kiểm tra độ mài mòn của đá	chiếc	1	132,000,000
34	Thiết bị sàn thao tác nghiêng	chiếc	1	135,740,000
G	TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH VẬT LIỆU XÂY DỰNG (bao gồm 31 danh mục)			
1	Dụng cụ xác định phản ứng Ankali	chiếc	1	23,964,000
2	Hệ thống thiết bị hấp thụ nguyên tử	cái	1	170,561,600
3	Thiết bị thử độ dẫn nở xi măng	cái	1	96,725,000
4	Máy trộn hành tinh	cái	1	71,845,000
5	Máy rung mẫu vữa cứng ELE	cái	1	66,627,000
6	Lực kế chuẩn 100 T	cái	1	24,000,000
7	Lực kế chuẩn 60 T	cái	1	18,000,000
8	Máy nghiền cối	cái	1	84,936,327
9	Máy đo độ uốn cho vật liệu gốm sứ	cái	1	100,082,600
10	Máy nén bê tông ADS 200 EL - Malaysia	cái	1	50,909,000
11	Máy nghiền bi thí nghiệm	cái	1	27,084,125
12	Máy nén uốn mẫu nhỏ 250KN	cái	1	135,829,823

STT	Tên, đặc điểm	ĐVT	Số lượng	Nguyên giá (VNĐ)
13	Cân phân tích điện tử AAA 250-LE	cái	1	24,016,419
14	Chuẩn độ điện thế tự ghi	cái	1	145,022,300
15	Bom nhiệt lượng	cái	1	186,269,950
16	Máy kẹp hàm thí nghiệm	cái	2	12,068,720
17	Lò nung SX2 4-10A	cái	1	20,069,150
18	Cân phân tích	cái	1	31,666,900
19	Thiết bị mài mòn đánh bóng lát mỏng	cái	1	44,878,250
20	Lò GRADIENT	cái	1	276,180,750
21	Thiết bị đo nhiệt độ vật liệu cách nhiệt	cái	1	42,000,000
22	Tủ dưỡng hộ xi măng	cái	1	25,000,000
23	Máy lọc sàng	cái	1	12,000,000
24	Máy nghiền đĩa	cái	1	12,000,000
25	Máy phân tích nhiệt trị	chiếc	1	499,454,545
26	Máy trộn vữa xi măng	chiếc	1	117,645,455
27	Máy quang phổ hấp thụ phân tử V730	chiếc	1	265,567,500
28	Máy sàng ướt	chiếc	1	16,250,000
29	Khả năng giữ nước của xi măng	chiếc	1	48,000,000
30	Bộ mạch điều khiển bơm dầu dùng cho máy nén bê tông	bộ	1	16,500,000
31	Thiết bị thử va đập tấm tường	bộ	1	120,000,000
H	PHÒNG KHK&HTQT (Bao gồm 47 danh mục)			
1	Thiết bị xác định hàm lượng khí trong bê tông	chiếc	1	11,491,000
2	Lò thí nghiệm nấu Frít	cái	1	38,547,000
3	Lò khe hở nung nhanh thí nghiệm	cái	1	65,140,000
4	Máy nghiền bi thí nghiệm	cái	1	23,800,000
5	Máy kiểm tra khuyết tật kim loại và mối hàn bằng phương pháp siêu âm	cái	1	159,419,000
6	Tủ khí hậu	cái	1	230,909,000
7	Cân điện tử CFW60	cái	1	11,480,000
8	Máy nghiền siêu mịn	cái	1	40,000,000
9	Máy trộn xi măng cát thí nghiệm 5l/mẻ	cái	1	25,000,000
10	Hệ thống nồi hơi chung áp	cái	1	83,600,000
11	Máy trộn vữa xi măng tiêu chuẩn	cái	1	13,800,000
12	Lò muff thí nghiệm	cái	1	32,396,046
13	Máy thử hàm lượng bột khí trong vữa	cái	1	24,390,573
14	Thiết bị đo lực bám dính	cái	1	48,579,445
15	Máy cắt mẫu bê tông	cái	2	14,934,020
16	Cân kỹ thuật 3000 g	cái	1	11,648,175
17	Bàn rung	cái	1	50,425,000
18	Xe nâng Mitsubishi FG20CND	cái	1	180,813,965
19	Thiết bị đo thâm nhập IONCL	cái	1	180,924,900

STT	Tên, đặc điểm	ĐVT	Số lượng	Nguyên giá (VNĐ)
20	Lò nung với môi trường điều khiển	cái	1	461,136,625
21	Cân thiết bị điện tử	chiếc	1	12,500,000
22	Máy nghiền đĩa	chiếc	1	10,500,000
23	Thiết bị dưỡng mẫu	chiếc	1	25,454,545
24	Máy trộn hành tinh kiểu Hobart	chiếc	1	13,800,000
25	Thiết bị đo độ nở thanh vữa	cái	1	12,400,000
26	Máy đo tia anpha, beta, gamma và tia X	bộ	1	17,800,000
27	Lò nung 1450 độ C	chiếc	1	105,751,000
28	Bể dưỡng hộ mẫu thí nghiệm	cái	1	43,235,000
29	Tủ thử tăng tốc quá trình cacbonnat hoá bê tông, vữa	cái	1	117,272,727
30	Thiết bị đo độ nở thanh vữa	cái	1	12,400,000
31	Bộ đo mô đun đàn hồi bê tông thử công	cái	1	14,500,000
32	Lò nung mẫu thí nghiệm 300x300x300mm, nhiệt độ 1700oC	bộ	1	281,500,000
33	Máy đo sức căng bề mặt	cái	1	188,799,000
34	Bơm ép keo	cái	1	158,000,000
35	Nồi phản ứng gia nhiệt	cái	1	35,238,000
36	Máy bơm vữa trực vít	cái	1	58,000,000
37	Máy trộn vữa	cái	2	15,000,000
38	Máy bơm ép chống thấm	cái	1	12,000,000
39	Máy bơm	cái	1	80,000,000
40	Máy khoan tạo mẫu thí nghiệm vật liệu chịu lửa	cái	1	230,000,000
41	Thiết bị kiểm tra độ biến dạng quang học	cái	1	235,000,000
42	Thiết bị xác định độ biến dạng hình ảnh của kính gương	cái	1	470,000,000
43	Kiểm tra độ bền hơi muối	cái	1	350,000,000
44	Thiết bị xác định điện trở bề mặt bê tông (phương pháp 4 điện cực)	cái	1	188,000,000
45	Thiết bị đo ăn mòn cốt thép trong phòng thí nghiệm	cái	1	280,000,000
46	Tủ mù muối	cái	1	350,000,000
47	Máy xác định độ bóng của màng sơn	cái	1	376,000,000